

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày: 04-01-2022*

*V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Phạm Minh Đức

*Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm A; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Đức T**, sinh năm A; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn ngày 04/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị sống chung gia đình chồng đến tháng 9/2021 thì chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đi nhậu về nhà kiếm chuyện chửi mắng chị, đánh đập chị bị trầy xước ngoài da không bị thương tích gì lớn, vì thương con còn nhỏ nên chị nhịn nhục, chịu đựng cho đến thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ

tháng 9/2021 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày B và Lê Thành L, sinh ngày B. Hiện 02 con đang sống chung với anh T. Ly hôn, chị T tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì sống, nếu 02 con sống chung với anh T thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 con/ tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn anh Lê Đức T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng vì thời gian gần đây anh đã cố gắng thay đổi, anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn thì về con chung anh T tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì sống.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T, cho chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày B và Lê Thành L, sinh ngày B cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 con/ tháng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Đức T có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, căn cứ vào lời khai của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh đập chị, thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, chị T không tiếp tục chịu đựng được nên đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay; Anh T trình bày còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa

án giải quyết ly hôn. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày B và Lê Thành L, sinh ngày B, hiện nay đang sống chung với anh T. Ly hôn, chị T và anh T thống nhất theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì sống; theo lời trình bày nguyện vọng của 02 con thì cả 02 con đều có nguyện vọng được sống chung với anh T. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của các cháu nên cần giao 02 cháu T và L cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 con/ tháng) là có cơ sở được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T có yêu cầu ly hôn và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Đức T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày B và Lê Thành L, sinh ngày B cho anh Lê Đức T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng

(1.000.000 đồng/01 con/tháng). Thời gian cấp dưỡng lần đầu là khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007413 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Thùy T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND thị trấn V, H.G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diễm Trinh**